

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **216/2023/DS-ST**

Ngày: 29/6/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Kim Hằng**;

2. Ông **Trần Văn Bé Ba**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 71/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-DS ngày 16/5/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Lê Minh G**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện A, Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Trần Thanh H**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện A, Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền của ông **Trần Thanh H** có ông **Lê Văn K**, sinh năm 1971 có mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã C, huyện A, Tiền Giang.

(Văn bản uỷ quyền ngày 05/6/2023).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: D, xã C, huyện A, Tiền Giang.

2/ Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1971 (có mặt).

3/ Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: D, xã C, huyện A, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Lê Minh G trình bày:** Do quen biết, vào ngày 24/12/2015 anh Trần Thanh H có vay của anh số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 2%/tháng và có thể chấp 01 giấy CNQSDĐ của ông Trần Văn Xuân là cha ruột anh. Ngày 21/02/2016 anh H có viết giấy cam kết mượn lại giấy chủ quyền để làm thủ tục thừa kế đồng thời anh H có trả lãi đến tháng 12/2016, từ tháng 01/2017 anh H ngưng không trả. Nay anh khởi kiện yêu cầu anh H trả lãi cho anh số tiền vốn 200.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ tháng 01/2017 đến 02/2023 là 74 tháng = 245.680.000 đồng. Tổng cộng là 445.680.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Theo bản tự khai và tại các biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Thanh H trình bày:** Anh thừa nhận có viết giấy nợ mượn 200.000.000 đồng cho Lê Minh G nL thật chất là tiền của ông Lê Văn L (cha ruột anh G). Số tiền này anh chỉ ghi biên nhận và đưa giấy tờ thế chấp cho ông L giữ, còn số tiền thì ông Lê Văn K là em ruột ông L nhận (ông K là anh rể của anh H).

Giữa ông K, ông L có khởi kiện tại Toà án A và phát mãi tài sản của ông K cho ông L nên anh được biết các bên đã cản trừ số tiền 200.000.000 đồng này rồi. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh G, anh H không đồng ý.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn K, bà Trần Thị M trình bày:**

Ông bà thừa nhận tại thời điểm viết biên nhận nợ của Trần Thanh H và Lê Minh G là do vợ chồng ông bà nhận tiền 200.000.000 đồng từ tay Lê Văn L, Trần Thanh H chỉ đứng tên vay dùm nên H không có nhận tiền. Nay vợ chồng ông bà đồng ý trả tiền thay cho anh H với số tiền vốn là 200.000.000 đồng, tiền lãi xin giảm vì hiện nay hoàn cảnh quá khó khăn.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L trình bày:** Việc vay mượn giữa Trần Thanh H và Lê Minh G ông hoàn toàn không biết, là tiền của vợ chồng Lê Minh G, giữa các bên có ký nhận thì để Toà án xem xét. Còn việc tài sản của ông K được chi Cục thi hành án thi hành đã xong, Trần Thanh H là người ngoài cuộc không nắm rõ tình tiết và cũng không liên quan đến việc vay mượn tiền của H và G.

*** Tại phiên tòa,** anh Lê Minh G vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện, buộc ông Trần Thanh H phải trả số tiền vốn là 200.000.000 đồng, tiền lãi 245.680.000 đồng nL anh nghĩ cũng quan hệ bà con nên anh giảm lãi, tiền lãi làm tròn 200.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 400.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Giấy CNQSDĐ đã trả xong cho anh Trần Thanh H, các bên không có tranh chấp nên không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản thế chấp và đưa người tham gia tố tụng.

Ông Lê Văn K đại diện uỷ quyền của anh Trần Thanh H trình bày: Số tiền 200.000.000 đồng này là do anh H mượn dùm cho ông nên nay vợ chồng ông sẽ có

trách nhiệm trả thay cho anh H số tiền 200.000.000 đồng, xin giảm lãi. Trả trong thời hạn 04 năm đối với số tiền này.

Ông Lê Văn K, bà Trần Thị M trình bày: Thống nhất gia đình ông bà có nhờ anh H vay dùm cho ông bà số tiền 200.000.000 đồng của ông L. Chúng tôi thống nhất nợ ai cũng được, trả cho cháu G hay ông L chúng tôi cũng đồng ý nL xin giảm lãi và trả số tiền trên trong thời gian 04 năm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh G phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn 200.000.000 đồng và lãi suất nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh Lê Minh G, ông Trần Thanh H có thỏa thuận vay mượn tiền, cụ thể ngày 24/12/2015 anh H vay của anh G số tiền 200.000.000 đồng có viết biên nhận, thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, đồng thời có giao cho anh Lê Minh G 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha ruột anh H tên Trần Văn Xuân, anh H có đóng lãi đến tháng 01/2017. Sau đó ngày 21/02/2016 anh Trần Thanh H có viết tờ cam kết mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của làm thủ tục thừa kế. Từ tháng 01/2017 đến nay ông Trần Thanh H không trả tiền cho anh G mặc dù đã đến đòi nhiều lần. Nay anh khởi kiện yêu cầu anh H trả lại cho anh số tiền vốn 200.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ tháng 01/2017 đến 02/2023 là 245.680.000 đồng, nL anh chỉ yêu cầu 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 400.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp đã trả xong các bên không có tranh chấp nên Toà án không xem xét và đưa người tham gia tố tụng.

[3] Đối với anh Trần Thanh H trình bày cho rằng anh có viết biên nhận mượn số tiền 200.000.000 đồng cho ông L cha ruột anh G nL tiền anh không có nhận mà anh đứng tên vay dùm anh rể của anh là ông Lê Văn K (có giấy biên nhận giữa ông K, bà M viết cho anh vào ngày 14/11/2016 AL). Tiền do ông Lê Văn K, bà Trần Thị M nhận. Nay anh Lê Minh G khởi kiện anh yêu cầu phải trả số tiền vốn và lãi làm tròn là 400.000.000 đồng ông không đồng ý. Đồng thời được biết khoản nợ 200.000.000 đồng được các bên thỏa thuận thi hành án trước đó và ông K đã trả xong rồi. Hội đồng xét thấy lời trình bày của anh H là không có cơ sở, bởi anh H không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Giấy nhận tiền giữa anh Trần Thanh H, bà Trần Thị M, ông Lê Văn K được ký kết vào ngày 14/11/2016 Al là giao dịch dân sự khác, nếu các đương sự có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác, do

đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của anh Trần Thanh H, buộc anh H phải thực hiện trả cho anh G số tiền vốn, lãi 400.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với lời trình bày của ông Lê Văn K, bà Trần Thị M cho rằng số tiền 200.000.000 đồng mà anh Trần Thanh H viết biên nhận vay tiền cho Lê Minh G là do ông nhờ anh H vay dùm của ông Lê Văn L (anh ruột ông K) chứ không phải tiền của Lê Minh G. Số tiền này đã được cầm trữ vào thời điểm cơ quan thi hành án phát mãi tài sản vào thời điểm năm 2018, nL ông, bà không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình, đồng thời ông K, bà M đồng ý trả số tiền vốn cho anh G là 200.000.000 đồng và xin giảm tiền lãi, ông bà sẽ trả trong thời hạn 04 năm. Tại phiên toà, anh Lê Minh G không đồng ý việc ông K, bà M trả tiền thay cho anh H. Như nhận định trên, việc ký kết giấy nhận tiền vào ngày 14/11/2016 Al giữa ông K, bà M, ông H là giao dịch dân sự khác, nếu các đương sự có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện khác, do đó lời trình bày của ông K, bà M Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn ông Trần Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Minh G.

1. Buộc ông Trần Thanh H có nghĩa vụ trả cho anh Lê Minh G số tiền 200.000.000 đồng, tiền lãi là 200.000.000 đồng. Tổng cộng 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông Trần Thanh H chậm thi hành án số tiền nêu trên cho anh G thì phải trả tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Trần Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Hoàn lại cho anh Lê Minh G số tiền tạm ứng án phí 11.920.000 đồng (Mười một triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0025691 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng